

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. HCM
TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A14
NĂM HỌC 2020 - 2021

MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	T	L	H	SI	TIN	V	SU	D	NN	SDC	CN	SDQ	TBM	HL	HK	MS LỚP CŨ
A14-01	Nguyễn Thiên An	8.1	8.7	8	9	8.4	6.9	8.8	8.7	7.6	8.7	9	8.9	8.40	G	T	B06-01
A14-02	Nguyễn Trường An	8.4	7.7	8.3	7.7	9.2	6.7	8.3	8.5	8.1	8.1	8.8	7.7	8.10	G	T	B14-01
A14-03	Đặng Phương Anh	8.2	8.3	7.2	8.4	8.6	7.6	8.9	8.9	8.2	8.4	8.3	8.1	8.30	G	T	B10-03
A14-04	Mai Trần Duy Anh	7.8	9.4	8.9	9.4	9.5	8	9.5	9.5	7.5	8.8	8.5	8.7	8.80	G	T	B16-04
A14-05	Nguyễn Quê Anh	8.1	8	8	8.5	9.2	8.2	8.1	9.1	8	9.1	8.4	8.9	8.50	G	T	B16-07
A14-06	Trịnh Kim Bình	8.6	8.1	7.9	9.4	9.5	7.6	9.1	9	7.3	9.5	8.2	8.6	8.60	G	T	B08-03
A14-07	Nguyễn Thị Minh Châu	7.9	8.6	7.2	9.2	7.8	8.1	7.6	9.2	8.4	9	8.5	8.2	8.30	G	T	B16-08
A14-08	Dương Văn Hiệp	7.8	8	9.1	9	9.5	6.7	8.5	9	8.5	8.7	8.6	8.1	8.50	K	T	B06-17
A14-09	Đinh Nguyễn Trung Hiếu	8.1	7.5	8.2	9.2	8.9	7.5	9.6	8.6	8.4	8.7	8.5	7.7	8.40	G	T	B12-09
A14-10	Vô Lâm Đức Hưng	8	9.3	7.6	8.1	7.8	6.7	9	8.4	7.3	8.4	8.3	8.9	8.20	G	T	B10-17
A14-11	Phạm Trần Khánh Hưng	7.7	8.8	6.6	8.9	9	6.4	8.5	8.7	7.6	7.1	7.7	7.9	7.90	K	T	B13-12
A14-12	Huỳnh Trọng Khang	8.3	8	7.6	9.2	7.8	6.9	9.6	9	8.7	9.7	8.8	8.7	8.50	G	T	B02-15
A14-13	Lù Thế Gia Khang	7.5	8.1	7.9	8.5	7.8	6.4	7.6	8.9	8.4	8.8	7.7	7.8	8.00	K	T	B07-09
A14-14	Nguyễn Nhựt Khanh	8.6	7.8	8.1	8.8	8.8	7.4	8.1	8.8	8.5	8.8	8.4	8.9	8.40	G	T	B11-19
A14-15	Lê Quang Khánh	7.7	7.3	7.8	8.2	8.1	5.9	7.2	7.2	8.8	6.8	8.8	8.3	7.70	K	T	B02-17
A14-16	Phạm Đăng Khôi	7.5	8.5	7.5	7.5	9.2	6.2	8	9.2	7.9	8.6	7.8	9	8.10	K	T	B06-23
A14-17	Vòng Quang Lâm	7.9	9.2	7.9	9.1	8.7	8	8.9	9.2	7.7	9.5	8.3	9.3	8.60	G	T	B11-22
A14-18	Hồ Thanh Lân	8.6	8.3	7	7.5	8.7	6	8	7.8	7.7	8.7	8.2	8.9	8.00	K	T	B15-11
A14-19	Trần Phương Loan	8	8.6	8.4	8.9	8.4	7.7	8.6	9.1	7.4	9.5	8.9	9.6	8.60	G	T	B15-12
A14-20	Vô Thúy Ngân	8.5	8.7	8.3	9.4	8.6	7.9	9.1	9.3	8	9	9	8.1	8.70	G	T	B12-25
A14-21	Lương Hồ Trọng Nghĩa	8.3	8.3	7.8	8.4	9.2	6.7	8.9	8.6	8.6	9.1	8.1	8.7	8.40	G	T	B15-21
A14-22	Bùi Nguyễn Bích Ngọc	8	7.7	6.7	8.9	8.7	7	8.5	9.1	8.6	9.1	8.8	8.8	8.30	G	T	B06-28
A14-23	Đoàn Đặng Ngọc Như	8.2	8.3	7.6	9.4	9.2	8.1	9.4	9	7.8	9.1	8.5	8.1	8.60	G	T	B03-22
A14-24	Phạm Đỗ Quỳnh Như	7.5	8.6	8.2	7.2	8.3	7.1	7.2	9	8.6	8.8	8.8	7.7	8.10	K	T	B12-30
A14-25	Phan Quỳnh Như	8.6	8.6	7.9	9.1	8.2	7.8	9.2	9.3	7.5	9.8	9	9.6	8.70	G	T	B15-24
A14-26	Lê Công Quyền	7.3	8.2	8.1	8.8	8.4	7.7	7.8	9.2	8.7	8.2	8.7	7.6	8.20	K	T	B12-35
A14-27	Nguyễn Vũ Uyên Quỳnh	8.4	8.1	7.1	8.6	9.1	7	8.4	9.5	7.6	8.9	8.2	8.7	8.30	G	T	B08-27
A14-28	Bùi Thanh Tâm	8.5	8.4	7.9	8.7	8.8	7.1	8.8	8.7	7	9.1	7.8	9.1	8.30	G	T	B15-29
A14-29	Trương Thị Cẩm Thu	8.2	8.5	7.7	8.9	8	7.5	8.5	8.8	7.8	9.3	8.2	8.4	8.30	G	T	B15-34
A14-30	Nguyễn Lê Song Thu	7.6	8.5	8.2	8.5	9	7.6	9.1	9.3	8.4	9	8.7	9	8.60	K	T	B05-40
A14-31	Hà Phan Anh Thư	8	8.3	8.6	8.1	8.8	6.3	8.7	9	8	8.4	7.6	8.4	8.20	K	T	B15-35
A14-32	Nguyễn Gia Thuận	8.6	8.7	7.4	7.7	9.4	7.7	8.1	8.7	6.7	8.7	8.1	8.2	8.20	G	T	B07-33
A14-33	Lê Thị Tiên	7.8	8.7	8.2	8.9	8.6	8.1	8.7	9.4	8.2	9.1	8.6	9.7	8.70	G	T	B07-37
A14-34	Trịnh Quốc Tín	8.4	8.6	7.2	7.8	9	6.9	8.2	8.7	7.4	8.8	8.2	8.8	8.20	G	T	B15-36
A14-35	Tôn Nữ Huyền Trân	8.5	8.3	7.2	7.2	8.8	7.7	7.9	9.2	7.6	8.8	9	9.4	8.30	G	T	B15-37
A14-36	Lê Đoàn Tuyết Trinh	8.1	8.6	7.9	9	9.3	7.6	9.2	9.2	7.7	9.1	8.6	9.1	8.60	G	T	B08-37
A14-37	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	9.3	8.6	8.3	8.6	9	7.5	8.8	8.9	7.1	8.7	8.7	8.4	8.50	G	T	B15-39
A14-38	Ngô Đức Trung	8.5	7.8	5.4	7.6	7.8	6.3	8.2	9	7.6	8.4	7.9	8.7	7.80	K	T	B15-38
A14-39	Nguyễn Phi Anh Tú	8.4	8.6	8.1	8.6	9.1	7	8.8	8.7	7.9	9	7.7	8.4	8.40	G	T	B15-40
A14-40	Lương Anh Tuấn	8.2	7.9	7.7	8.5	9.5	6.9	8.1	9.1	8.7	8.4	8.8	8.5	8.40	G	T	B01-38
A14-41	Nguyễn Gia Tuệ	8.3	8.5	8.3	8.7	9.6	8.4	8.5	9.4	7.9	9.4	8.7	8.8	8.70	G	T	B07-40
A14-42	Nguyễn Anh Tường	8.9	8.2	6.9	7.8	8.4	7.1	8.8	9.2	7.5	9.3	8	9.2	8.30	G	T	B15-41
A14-43	Trần Quốc Danh Uy	7.6	8.4	6.4	8.4	8.4	6.4	7.9	9	7.9	7.8	8.1	8.3	7.90	K	T	B01-41
A14-44	Lương Chí Vĩ	8.6	8.2	7.8	8.3	9.6	8.5	9.6	9.5	8	7.7	8.9	8.2	8.60	G	T	B13-39
A14-45	Trần Nguyên Vũ	7.9	7.8	5.9	6.9	9.5	6.7	6.9	7.9	8.7	8.5	7.6	8.3	7.70	K	T	B15-45
A14-46																	
A14-47																	
A14-48																	
A14-49																	
A14-50																	

MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	T	L	H	SI	TIN	V	SU	D	NN	ĐC	CN	ĐQ	TBM	HL	HK	MS LỚP CŨ
-------	--------------------	---	---	---	----	-----	---	----	---	----	----	----	----	-----	----	----	--------------